

BÁO CÁO SỐ LIỆU TỔNG KẾT PHONG TRÀO GIỚI VIỆC TRƯỜNG, ĐẢM VIỆC NHÀ
Giai đoạn 2010 - 2015

(Kèm theo Kế hoạch số 96/KH-BGDĐT-CĐGDVN ngày 26/2/2015 của Bộ GD&ĐT và CĐGD Việt Nam)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tăng '+' (giảm '-') so với năm 2010
	1. Số liệu chung			
1	Số ban Nữ công quản chúng	Ban		
2	Tỷ lệ (Số ban Nữ công quản chúng/Tổng số CĐCS)	%		
3	Tổng số CBNGNLĐ:	Người		
4	Trong đó: Nữ	"		
5	Tổng số nhà giáo:	"		
6	Trong đó: Nữ	"		
7	Giáo sư, Phó giáo sư	"		
8	Trong đó: Nữ	"		
9	Tiến sĩ	"		
10	Trong đó: Nữ	"		
11	Thạc sĩ	"		
12	Trong đó: Nữ	"		
13	Đại học, cao đẳng	"		
14	Trong đó: Nữ	"		
15	Trung cấp, sơ cấp	"		
16	Trong đó: Nữ	"		
17	Số GV đạt chuẩn đào tạo	"		
18	Trong đó: Nữ	"		
19	Số GV trên chuẩn đào tạo	"		
20	Trong đó: Nữ	"		
21	Số GV được xếp loại khá trở lên theo quy định của chuẩn nghề nghiệp	"		
22	Trong đó: Nữ	"		
23	Số CBNGNLĐ có trình độ Lý luận chính trị (từ trung cấp trở lên)	"		
24	Trong đó: Nữ	"		
25	Tổng số đảng viên	"		
26	Trong đó: Nữ	"		
27	Số nữ được kết nạp đảng trong 5 năm (2010 đến 2015)	"		
	2. Cán bộ quản lý từ cấp trường trở lên			
28	Tổng số cán bộ quản lý:	Người		
29	Trong đó: Nữ	"		
30	Số nữ được đề bạt, bổ nhiệm cán bộ quản lý trong 5 năm	"		
31	Số Chủ tịch, Phó Chủ tịch công đoàn các cấp	"		
32	Trong đó: Nữ	"		
	3. Công tác đào tạo, bồi dưỡng			
33	Số nữ CBNLNLĐ được học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp	người		
34	- Đại học	"		
35	- Sau đại học	"		

36	- Lý luận chính trị	"		
37	- Tin học, ngoại ngữ	"		
38	Kinh phí hỗ trợ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ	Nghìn đồng		
39	Số cán bộ nữ được bồi dưỡng, tập huấn nội dung về công tác nữ công, công tác bình đẳng giới, lồng ghép giới	"		
	4. Công tác thi đua			
	Sáng kiến kinh nghiệm			
40	Số SKKN, đề tài NCKH do nữ chủ trì được công nhận từ cấp cơ sở trở lên	Số lượng		
41	- Trong đó: + Cấp cơ sở	"		
42	+ Cấp bộ và tương đương	"		
43	+ Cấp Nhà nước	"		
44	Số sản phẩm NCKH ứng dụng, đồ dùng dạy học do nữ thực hiện được trao giải từ cấp huyện/thị trở lên	Sản phẩm		
	Danh hiệu thi đua, khen thưởng	"		
45	Số nữ được phong tặng NGND từ 2010 - 2015	"		
46	Số nữ được phong tặng NGUT từ 2010 - 2015	"		
47	Số CBNGNLD đạt CSTĐ, GV dạy giỏi cấp cơ sở	Người		
48	- Trong đó : nữ	"		
49	Số CBNGNLD đạt CSTĐ, GV dạy giỏi cấp tỉnh, thành phố và tương đương	"		
50	- Trong đó : nữ	"		
51	Số CBNGNLD đạt CSTĐ, GV dạy giỏi cấp toàn quốc	"		
52	- Trong đó: nữ	"		
53	Số nữ được tặng giải thưởng Kovalepskaia	"		
54	Số nữ được tặng bằng "Lao động sáng tạo"	"		
55	Số nữ được tặng Bằng khen trong các phong trào thi đua, các cuộc vận động	"		
56	Số nữ đạt danh hiệu "Giỏi việc trường, đảm việc nhà" từ cấp cơ sở trở lên	"		
57	Tỷ lệ so với tổng số CBNGNLD nữ	%		
58	- Trong đó: Cấp cơ sở	Người		
59	- Trong đó: Cấp tỉnh, ngành TW	"		
60	Số gia đình nữ đạt danh hiệu "Gia đình văn hóa"	Gia đình		
61	Tỷ lệ so với tổng số CBNGNLD nữ	%		
62	Số nữ vi phạm chính sách dân số KHHGD	Người		
	5. Các hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện,... (ghi rõ loại hình, kết quả đạt được nếu có)			
	6. Đăng ký cấp Giấy chứng nhận "Giỏi việc trường, đảm việc nhà"			

Lưu ý:

CĐGD Việt Nam chỉ cấp phôi Giấy chứng nhận "Giỏi việc trường, đảm việc nhà"; số lượng cấp cho CĐGD tỉnh, TP không vượt quá 0,15 % tổng số CBNGNLD. Đăng ký gửi về CĐGD Việt Nam qua Ban Tuyên giáo - Nữ công trước ngày 20/3/2015. Đơn vị nào không gửi đăng ký đúng thời gian quy định coi như không có nhu cầu.

.....ngày..... tháng...năm 2015

TM. BAN CHẤP HÀNH CÔNG ĐOÀN

CHỦ TỊCH

(ký tên, đóng dấu)

CĐGD CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ

Mẫu số 1: Dành cho khối tỉnh/TP

BÁO CÁO SỐ LIỆU TỔNG KẾT PHONG TRÀO GIỚI VIỆC TRƯỜNG, ĐÀM VIỆC NHÀ
Giai đoạn 2010 - 2015

(Kèm theo Kế hoạch số 96/KH-BGDĐT-CĐGDVN ngày 26/2/2015 của Bộ GD&ĐT và CĐGD Việt Nam)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tăng '+' (giảm '-') so với năm 2010
	1. Số liệu chung			
1	Số ban Nữ công quản chúng	Ban		
2	Tỷ lệ (Số ban Nữ công quản chúng/Tổng số CĐCS)	%		
3	Tổng số CBNGNLD:	Người		
4	Trong đó: Nữ	"		
5	Tổng số nhà giáo:	"		
6	Trong đó: Nữ	"		
7	Giáo sư, Phó giáo sư	"		
8	Trong đó: Nữ	"		
9	Tiến sĩ	"		
10	Trong đó: Nữ	"		
11	Thạc sĩ	"		
12	Trong đó: Nữ	"		
13	Đại học, cao đẳng	"		
14	Trong đó: Nữ	"		
15	Trung cấp, sơ cấp	"		
16	Trong đó: Nữ	"		
17	Số GV đạt chuẩn đào tạo	"		
18	Trong đó: Nữ	"		
19	Số GV trên chuẩn đào tạo	"		
20	Trong đó: Nữ	"		
21	Số GV được xếp loại khá trở lên theo quy định của chuẩn nghề nghiệp	"		
22	Trong đó: Nữ	"		
23	Số CBNGNLD có trình độ Lý luận chính trị (từ trung cấp trở lên)	"		
24	Trong đó: Nữ	"		
25	Tổng số đảng viên	"		
26	Trong đó: Nữ	"		
27	Số nữ được kết nạp đảng trong 5 năm (2010 đến 2015)	"		
	2. Cán bộ quản lý từ cấp trường trở lên			
28	Tổng số cán bộ quản lý:	Người		
29	Trong đó: Nữ	"		
30	Số nữ được đề bạt, bổ nhiệm cán bộ quản lý trong 5 năm	"		
31	Số Chủ tịch, Phó Chủ tịch công đoàn các cấp	"		
32	Trong đó: Nữ	"		
	3. Công tác đào tạo, bồi dưỡng			
33	Số nữ CBNLNLD được học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp	người		
34	- Đại học	"		
35	- Sau đại học	"		

CHỦ TỊCH
TM. BAN CHẤP HÀNH CÔNG ĐOÀN
.....ngày.....tháng.....năm 2015

(Ký tên, đóng dấu)

CĐGD Việt Nam chỉ cấp phôi Giấy chứng nhận "Giới việc trường, đảm việc nhà"; số lượng cấp cho CĐGD tỉnh, TP không vượt quá 0,15 % tổng số CBNGLĐ. Đảng ký gửi về CĐGD Việt Nam qua Ban Tuyên giáo - Nữ công trước ngày 20/3/2015. Đơn vị nào không gửi đảng ký đúng thời gian quy định coi như không có nhu cầu.

Lưu ý:

36	- Lý luận chính trị				
37	- Tin học, ngoại ngữ				
38	Kinh phí hỗ trợ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ	Nghìn đồng			
39	Số cán bộ nữ được bồi dưỡng, tập huấn nội dung về công tác nữ công, công tác bình đẳng giới, lồng ghép giới	"			
	4. Công tác thi đua				
	Sáng kiến kinh nghiệm				
40	Số SKKN, đề tài NCKH do nữ chủ trì được công nhận từ cấp cơ sở trở lên	Số lượng			
41	- Trong đó: + Cấp cơ sở				
42	+ Cấp bộ và tương đương				
43	+ Cấp Nhà nước				
44	Số sản phẩm NCKH ứng dụng, đồ dùng dạy học do nữ thực hiện được trao giải từ cấp huyện/thị trở lên	Sản phẩm			
	Danh hiệu thi đua, khen thưởng				
45	Số nữ được phong tặng NGND từ 2010 - 2015	"			
46	Số nữ được phong tặng NGUT từ 2010 - 2015	"			
47	Số CBNGLĐ đạt CSTĐ, GV dạy giới cấp cơ sở	Người			
48	- Trong đó : nữ				
49	Số CBNGLĐ đạt CSTĐ, GV dạy giới cấp tỉnh, thành phố và tương đương	"			
50	- Trong đó : nữ				
51	Số CBNGLĐ đạt CSTĐ, GV dạy giới cấp toàn quốc	"			
52	- Trong đó: nữ				
53	Số nữ được tặng giải thưởng Kovalepskaia	"			
54	Số nữ được tặng bằng "Lao động sáng tạo"	"			
55	Số nữ được tặng Bằng khen trong các phong trào thi đua, các cuộc vận động	"			
56	Số nữ đạt danh hiệu "Giới việc trường, đảm việc nhà" từ cấp cơ sở trở lên	"			
57	Tỷ lệ so với tổng số CBNGLĐ nữ	%			
58	- Trong đó: Cấp cơ sở				
59	- Trong đó: Cấp tỉnh, ngành TW	Người			
60	Số gia đình nữ đạt danh hiệu "Gia đình văn hóa"	Gia đình			
61	Tỷ lệ so với tổng số CBNGLĐ nữ	%			
62	Số nữ vi phạm chính sách dân số KHHGD	Người			
	5. Các hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện,... (ghi rõ loại hình, kết quả đạt được nếu có)				
	6. Đảng ký cấp Giấy chứng nhận "Giới việc trường, đảm việc nhà"				